

Bản tin Phân tích kỹ thuật

07/04/2026

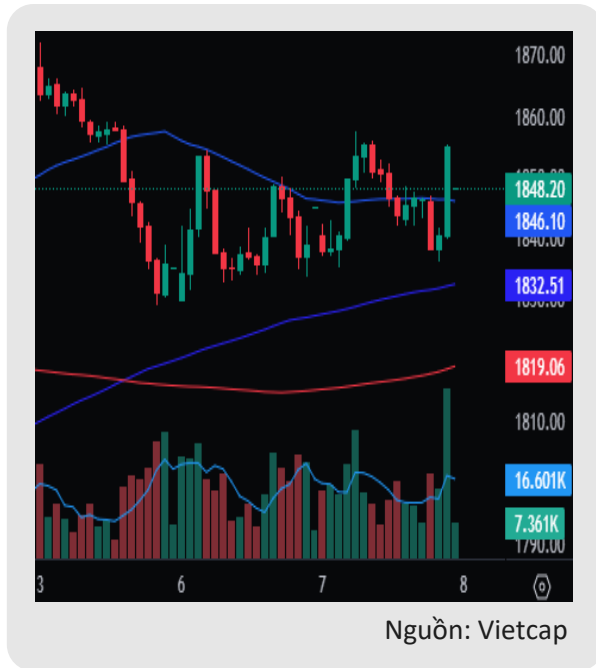
Vietcap ▲



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G4000 đóng cửa trên đường MA20 và MA50 cho thấy đà tăng lẩn át về cuối ngày. Tuy nhiên, hợp đồng này vẫn bị cản trở tại vùng kháng cự gần 1.857 điểm. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua xuất hiện giá đóng cửa trên ngưỡng 1.857 điểm. Mục tiêu tại vùng 1.881 điểm và dừng lỗ tại 1.845 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.857 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.881 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.845 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Trung tính
VN30	Trung tính	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Tiêu cực

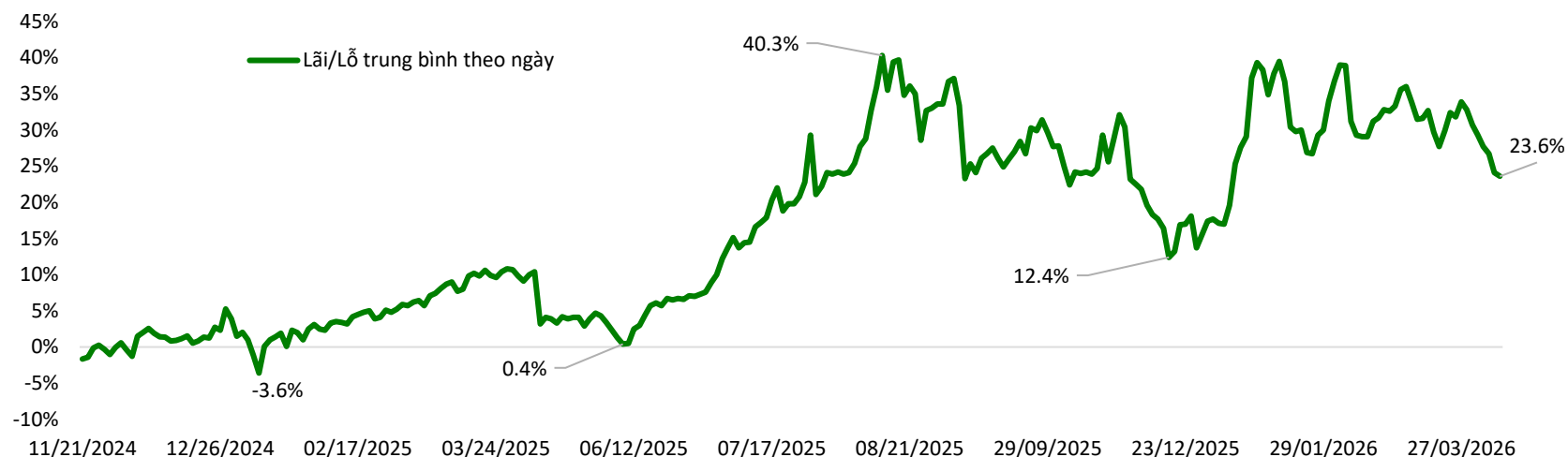


Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, áp lực bán tại vùng giá cao trong đầu phiên được tiết chế và không gia tăng khi VN-Index lùi về vùng giá thấp trong phiên. Đáng chú ý, quanh hỗ trợ 1.665 điểm, lực mua cải thiện trên diện rộng tại nhóm Chứng khoán và Ngân hàng.
- Về mặt kỹ thuật, phiên 07/04 giúp nhiều cổ phiếu Chứng khoán cải thiện tín hiệu, qua đó tỷ trọng số mã mang tín hiệu Tiêu cực trong ngành giảm về 25%. Ngược lại, nhóm Ngân hàng dù tăng giá nhưng tín hiệu Tiêu cực vẫn chiếm 60% toàn ngành và chưa cải thiện so với phiên 06/04.
- Diễn biến cung cầu cho thấy VN-Index có điều kiện tăng điểm vào đầu phiên 08/04. Tuy nhiên, nhóm Ngân hàng vẫn đối mặt với khả năng bị bán trở lại tại vùng giá cao đầu phiên. Điều này sẽ khiến chỉ số biến động mạnh với biên độ dự báo trong vùng 1.660–1.700 (+/-10) điểm.
- Khuyến nghị chưa mở mới các vị thế ngắn hạn và tiếp tục chờ tín hiệu lan tỏa rõ hơn từ lực mua trên các nhóm ngành còn lại.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
BVH	24/03/2026	07/04/2026	Chốt lãi	80,000	75,400	6.1%	71,000	82,500	80,000	92,000



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	143,400	1.27%	6.22%	1,105,045	2.569	1,468	7.5	97.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	115,000	-1.71%	11.65%	472,352	-1.477	10,200	2.0	11.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	48,000	4.12%	14.56%	143,390	1.081	3,824	3.0	12.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
VPB	26,050	1.76%	-2.43%	206,679	0.664	3,024	1.2	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
GEE	188,000	-5.05%	-4.81%	68,808	-0.636	8,918	8.6	21.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIX	16,950	6.94%	1.80%	41,532	0.527	3,351	1.9	5.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
GAS	77,300	-1.53%	-1.28%	186,521	-0.521	4,730	2.8	16.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	25,100	-1.95%	-1.38%	125,632	-0.449	3,501	1.7	7.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	28,700	-1.20%	-6.51%	203,375	-0.448	3,577	1.2	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PNJ	100,000	-4.40%	-7.41%	34,115	-0.274	8,350	2.6	12.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	27,500	2.04%	2.04%	68,505	0.256	1,966	2.2	14.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPL	81,900	-0.85%	-1.80%	146,871	-0.228	615	4.0	133.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
TCX	48,000	-1.03%	-5.28%	110,956	-0.209	2,713	2.5	17.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VCI	27,200	3.42%	1.87%	31,216	0.195	1,311	1.7	20.7	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
SHB	14,700	1.38%	-4.09%	74,280	0.187	2,600	1.1	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SHS	17,200	4.24%	2.99%	15,471	0.513	1,500	1.2	11.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MBS	20,000	2.56%	3.39%	20,019	0.401	1,865	2.5	10.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	47,000	2.84%	-4.67%	17,836	0.396	5,090	2.8	9.2	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
KSV	151,200	1.48%	-8.42%	30,240	0.349	9,851	5.9	15.4	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HHC	150,300	-10.00%	-10.00%	2,469	-0.193	2,880	3.7	52.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CEO	16,400	2.50%	-1.80%	9,306	0.182	312	1.5	52.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HUT	16,100	1.26%	-6.94%	17,199	0.169	514	1.6	31.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
PVS	37,400	-1.06%	-8.56%	19,127	-0.158	3,616	1.3	10.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VIT	24,000	-9.09%	-7.34%	1,651	-0.117	1,440	2.5	16.7	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VIF	15,500	2.65%	-1.90%	5,425	0.112	933	1.1	16.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

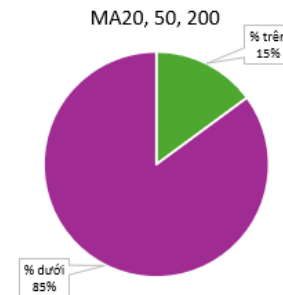
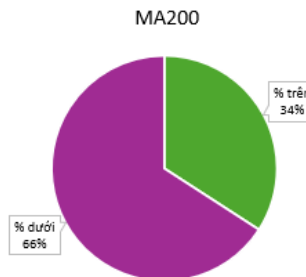
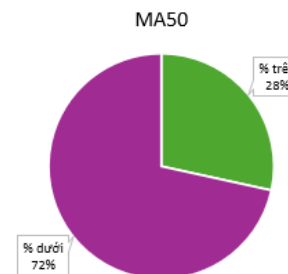
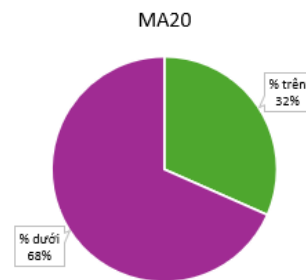
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	90,500	2.14%	0.67%	274,613	0.227	3,056	6.7	29.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
DNH	37,100	-13.11%	-13.11%	15,671	-0.079	2,166	3.1	17.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	45,900	-3.37%	-11.22%	50,832	-0.066	10	4.2	4,499.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VBB	12,000	10.09%	13.21%	12,244	0.048	1,457	1.0	7.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	49,400	2.07%	-4.82%	58,229	0.046	1,622	4.1	29.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VSF	24,700	-8.52%	-9.85%	13,525	-0.044	57	5.9	476.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
ACV	45,500	-0.66%	0.44%	162,046	-0.041	3,019	2.3	15.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FOX	79,400	1.53%	-8.74%	58,896	0.035	4,627	5.4	17.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VNZ	323,000	4.53%	3.49%	9,331	0.016	-9,022	16.6	-34.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEF	108,800	2.26%	13.33%	18,169	0.016	92,449	2.7	1.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BMI	15,700	-2.2%	20.3	7.8	15,929	20,950	0.8	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
APG	5,050	-3.8%	10.6	7.4	5,250	13,000	0.5	206.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CDC	22,900	0.0%	28.5	3.1	11,958	30,000	2.1	66.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			07/04/2026	06/04/2026	03/04/2026	02/04/2026	01/04/2026	31/03/2026	30/03/2026	27/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	27%	26%	29%	31%	31%	30%	31%	31%
		Dưới	73%	74%	71%	69%	69%	70%	69%	69%
	MA50	Trên	20%	19%	23%	26%	28%	27%	26%	25%
		Dưới	80%	81%	77%	74%	72%	73%	74%	75%
	MA20	Trên	30%	30%	40%	47%	53%	44%	39%	39%
		Dưới	70%	70%	60%	53%	47%	56%	61%	61%
VN30	MA200	Trên	30%	33%	33%	33%	43%	37%	37%	40%
		Dưới	70%	67%	67%	67%	57%	63%	63%	60%
	MA50	Trên	7%	7%	7%	10%	23%	0%	0%	0%
		Dưới	93%	93%	93%	90%	77%	100%	100%	100%
	MA20	Trên	33%	30%	47%	57%	67%	50%	33%	27%
		Dưới	67%	70%	53%	43%	33%	50%	67%	73%
HNX	MA200	Trên	35%	36%	38%	39%	40%	42%	40%	38%
		Dưới	65%	64%	62%	61%	60%	58%	60%	62%
	MA50	Trên	35%	32%	34%	35%	36%	36%	35%	33%
		Dưới	65%	68%	66%	65%	64%	64%	65%	67%
	MA20	Trên	35%	36%	38%	39%	40%	42%	40%	38%
		Dưới	65%	64%	62%	61%	60%	58%	60%	62%
UPCOM	MA200	Trên	30%	32%	34%	34%	36%	34%	35%	33%
		Dưới	70%	68%	66%	66%	64%	66%	65%	67%
	MA50	Trên	31%	32%	33%	34%	33%	33%	33%	32%
		Dưới	69%	68%	67%	66%	67%	67%	67%	68%
	MA20	Trên	37%	38%	37%	38%	39%	39%	38%	37%
		Dưới	63%	62%	63%	62%	61%	61%	62%	63%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 4										Tháng 3									
		07/4	06	03	02	01	31	30	27	26	25	24	23	20	19	18	17	16	13	12	11
1	Y tế	72	64	67	70	69	67	69	66	65	66	65	64	65	66	62	63	60	60	73	74
2	Bảo hiểm	51	58	63	61	59	57	57	51	52	48	41	35	34	31	32	31	30	31	31	31
3	Điện, nước & xăng d...	49	51	52	55	58	59	61	66	67	65	61	62	64	63	62	62	63	64	62	58
4	Bất động sản	47	48	51	53	50	47	48	39	37	34	28	27	31	31	32	32	30	28	22	20
5	Bán lẻ	47	48	50	53	57	54	53	53	50	45	40	39	43	44	44	44	48	50	51	43
6	Tài nguyên Cơ bản	45	45	47	48	48	50	50	46	46	45	45	48	50	51	49	50	51	55	54	54
7	Hàng & Dịch vụ Côn...	45	40	42	44	45	43	41	44	43	39	36	39	44	47	46	45	47	52	53	50
8	Ô tô và phụ tùng	45	47	51	50	49	50	50	46	44	39	34	33	33	37	40	43	43	42	40	39
9	Xây dựng và Vật liệu	43	45	48	52	54	52	50	49	47	42	37	38	42	39	40	42	45	41	37	36
10	Thực phẩm và đồ uống	40	40	36	39	38	38	37	34	33	31	30	30	34	36	38	38	38	38	37	35
11	Du lịch và Giải trí	39	38	40	41	38	34	33	31	25	20	18	19	21	21	20	21	25	25	25	23
12	Dầu khí	38	41	43	44	46	48	49	53	53	52	50	54	60	66	61	63	67	75	80	78
13	Dịch vụ tài chính	37	34	41	44	39	34	34	34	32	28	27	29	30	33	36	36	36	39	42	43
14	Ngân hàng	36	36	35	39	41	37	35	32	32	31	26	28	33	36	37	35	34	35	35	36
15	Hóa chất	34	37	40	39	38	38	40	43	39	37	37	42	48	54	52	55	60	67	66	63
16	Hàng cá nhân & Gia ...	34	34	37	39	41	43	44	45	43	41	39	43	48	51	53	52	52	58	59	58
17	Công nghệ Thông tin	15	16	17	18	15	14	16	13	13	12	10	10	11	11	12	12	10	10	11	11

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPB	48,000	4.1%	14.6%	143,390	3.0	12.6	3,824	174.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
VCK	36,850	0.1%	9.2%	89,727	3.1	22.8	1,613	216.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVL	14,750	1.4%	4.2%	32,959	0.7	16.7	884	242.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HCM	24,250	1.0%	6.8%	26,189	1.8	16.7	1,454	207.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	14,600	0.0%	-1.4%	20,296	1.2	5.5	2,623	22.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DXP	13,500	0.7%	1.5%	809	0.9	6.6	2,047	8.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	115,000	-1.7%	11.7%	472,352	2.0	11.3	10,200	365.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SIP	60,400	-0.8%	-1.3%	14,624	2.8	11.1	5,464	12.8	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TIN	161,800	-1.9%	9.9%	14,540	7.3	13.6	11,764	6.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VSC	24,600	4.5%	3.8%	9,210	1.7	26.9	915	203.3	Tích cực	7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
PAN	31,350	-0.2%	-1.1%	6,549	1.2	9.7	3,220	6.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PPT	15,600	1.3%	1.3%	306	1.5	66.2	236	5.2	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCI	27,200	3.4%	1.9%	31,216	1.7	20.7	1,311	191.9	Tích cực	6.5	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
GEE	188,000	-5.1%	-4.8%	68,808	8.6	21.1	8,918	142.8	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	79,900	-1.6%	-3.2%	59,312	2.4	20.9	3,821	49.3	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	47,000	2.8%	-4.7%	17,836	2.8	9.2	5,090	65.0	Tích cực	5.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PET	46,350	-3.4%	-8.6%	4,947	2.1	19.2	2,419	50.4	Tích cực	5.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTZ	20,100	0.5%	0.0%	1,531	1.8	29.4	683	29.5	Tích cực	4.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VIC	143,400	1.3%	6.2%	1,105,045	7.5	97.7	1,468	443.4	Trung tính	3.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	36,650	0.7%	-0.9%	33,073	1.9	22.4	1,638	116.5	Trung tính	3.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VFS	12,900	0.8%	-11.0%	1,806	1.0	12.1	1,064	12.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NNC	43,250	-7.0%	-17.5%	948	1.8	6.4	6,744	5.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	48,000	-1.0%	-5.3%	110,956	2.5	17.7	2,713	138.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VIB	16,700	0.3%	-1.5%	56,847	1.2	7.8	2,143	45.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPX	28,100	0.5%	-4.9%	52,688	1.6	12.2	2,298	20.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	38,600	-0.8%	-4.5%	49,045	1.9	18.3	2,106	77.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
POW	12,500	0.8%	-3.8%	38,348	1.1	14.6	854	71.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	16,100	1.3%	-6.9%	17,199	1.6	31.3	514	22.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
HHV	11,800	0.4%	-4.1%	6,457	1.0	9.9	1,192	33.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VGT	11,700	-1.7%	-4.1%	5,846	0.8	6.9	1,703	7.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEG	15,000	-0.3%	-9.4%	5,375	1.2	8.9	1,678	24.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DDV	27,100	0.7%	-1.1%	3,953	1.8	6.3	4,318	9.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	22,150	0.0%	-3.5%	2,482	1.0	9.2	2,402	21.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	15,700	-2.2%	-7.6%	2,364	0.8	9.2	1,708	20.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
LCG	9,540	0.8%	-3.3%	1,971	0.7	13.1	727	7.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LAS	16,500	0.6%	-2.4%	1,862	1.3	11.3	1,455	5.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	15,500	-0.6%	-3.4%	1,774	0.6	11.4	1,362	8.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VOS	12,400	1.2%	-1.6%	1,736	0.8	5.7	2,177	9.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HQC	2,520	0.4%	-4.9%	1,579	0.3	20.7	122	5.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
APG	5,050	-3.8%	-11.4%	1,129	0.5	206.8	24	10.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,700	2.24%	-2.49%	25,500	86.1%	357	1.1	38.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	25,000	0.00%	-3.85%	43,700	74.8%	936	1.5	26.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
DGC	54,200	2.26%	7.97%	91,200	68.3%	7,965	1.4	6.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	27,700	0.00%	-4.48%	45,800	65.3%	1,805	1.1	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FPT	74,000	0.14%	-0.94%	116,600	57.6%	5,515	3.5	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	37,400	-1.06%	-8.56%	58,100	55.3%	3,616	1.3	10.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SZC	27,650	0.91%	-5.15%	42,400	53.3%	1,916	1.6	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	27,500	2.04%	2.04%	40,800	48.4%	1,966	2.2	14.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVT	20,900	0.72%	-4.13%	30,800	47.4%	2,208	1.1	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GEX	36,650	0.69%	-0.95%	54,000	47.3%	1,638	1.9	22.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
BMI	15,700	-2.18%	-7.65%	23,100	47.1%	1,708	0.8	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VPB	26,050	1.76%	-2.43%	38,000	45.9%	3,024	1.2	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PLC	22,000	0.00%	-3.93%	31,900	45.0%	334	1.4	65.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	28,700	-1.20%	-6.51%	41,500	44.6%	3,577	1.2	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VGC	44,500	1.37%	-5.12%	64,100	44.0%	3,130	2.3	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACG	33,000	0.00%	-5.17%	45,800	38.8%	3,342	1.2	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACB	23,200	-0.22%	-1.49%	32,000	37.9%	3,042	1.3	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HDC	17,900	0.00%	-4.53%	24,600	37.4%	3,199	1.2	5.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BWE	42,850	0.00%	-0.35%	58,700	37.0%	4,506	1.6	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MBB	25,600	-0.19%	-3.21%	35,000	36.7%	3,325	1.5	7.7	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn